

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**
Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 14 tháng 01 năm 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh, bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lò T, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Ông Lò B, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lò T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò T và ông Lò B chung sống với nhau từ năm 1980 cho đến nay. Từ đó đến nay, bà T và ông B chưa đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật, nhưng đều được tất cả mọi người công nhận là vợ chồng. Từ khi về chung sống với nhau thì ông B thường xuyên mắng chửi, đánh đập, ghen tuông vô cớ và xúc phạm bà T. Khiến cho tinh thần của bà T hoảng loạn, ảnh hưởng đến sức khỏe của bà. Năm 2020 ông B càng thể hiện tính ghen tuông vô cớ, đánh đập bà T nhiều hơn trước, cho dù bà T tuổi đã cao nhưng ông B vẫn

không tha mà tiếp tục đánh đập, hành hạ, dẫn đến ông bà thường xuyên mâu thuẫn với nhau, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc, mục đích hôn nhân giữa ông bà không đạt được, cuộc sống chung giữa ông bà không thể kéo dài. Bà T và ông B đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, nhưng khi ly thân thì ông B vẫn tiếp tục đe dọa bà T và còn cho rằng bà T là vợ mình nên muốn làm gì cũng được. Vì vậy bà T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông B để ông B không có quyền đánh đập hay bạo hành đối với bà T được nữa.

Về con chung: Bà Lò T và ông Lù B có 03 con là Lù H, sinh ngày 17/4/19xx; Lù B, sinh ngày 15/11/19xx; Lù T, sinh ngày 15/8/19xx. Hiện tại anh, chị đã trưởng thành, không có khuyết điểm về thể chất và tinh thần, có thể tự nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân, Công an xã B, xác minh đối với trưởng thôn A xác định: Vợ chồng bà T và ông B về chung sống với nhau từ năm 1980, nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn, Ủy ban xã cũng đã tuyên truyền về việc đăng ký kết hôn tại các buổi họp thôn. Bà T, ông B đều có hộ khẩu thường trú và hiện tại đang sinh sống tại thôn A, xã B. Sau khi về chung sống với nhau thì ông B, bà T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông B nhiều lần còn đánh đập bà T, Công an xã đã mời cả hai bên lên làm việc nhiều lần, tuy nhiên cũng chỉ dừng lại ở hòa giải nên không lập biên bản giải quyết. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông B vẫn có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng gia đình cũng đóng cửa đi vắng do ông B có đi dự đám hiếu của họ hàng. Ông B cũng nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập do Tòa án gửi do trưởng thôn A giao trực tiếp cho ông, nhưng ông B cố tình không đến Tòa án để giải quyết ly hôn và còn cố tình trốn tránh. Hiện tại các con của ông B và bà T cũng đã đủ tuổi trưởng thành, có sức khỏe tốt, không có khuyết điểm về thể chất và tinh thần, cả ba đều đang đi làm ăn xa và lập gia đình ở nơi khác, không có ai sinh sống cùng ông bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/10/2000 của Quốc hội; khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 30/01/2001; Khoản 1 Điều 11, Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Lò T, xử: Về quan hệ hôn nhân bà Lò T được ly hôn với ông Lù B; Về con chung, bà Lò T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung bà Lò T và ông Lù B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí giải quyết vụ án dân sự cho bà Lò T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lò T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông Lù B. Ông B hiện tại vẫn có mặt tại địa phương. Do vậy đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò T và ông Lù B về chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/10/2000 của Quốc hội, khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 30/01/2001 quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp. Từ khi về chung sống với nhau thì ông B thường xuyên mắng chửi, đánh đập, ghen tuông vô cớ và xúc phạm bà T. Khiến cho tinh thần của bà T hoảng loạn, ảnh hưởng đến sức khỏe của bà. Năm 2020 ông B càng thể hiện tính ghen tuông vô cớ, đánh đập bà

T nhiều hơn trước, cho dù bà T tuổi đã cao nhưng ông B vẫn không tha mà tiếp tục đánh đập, hành hạ, dẫn đến ông bà thường xuyên mâu thuẫn với nhau, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc. Bà T và ông B đã sống ly thân nhau từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, nhưng khi ly thân thì ông B vẫn tiếp tục đe dọa bà T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà Lò T được ly hôn với ông Lù B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Lò T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Bà T và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/10/2000 của Quốc hội; khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 30/01/2001; các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lò T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò T được ly hôn với ông Lù B.

- Về con chung: Bà Lò T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Bà Lò T và ông Lù B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lò T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- Đương sự;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá